

Văn phòng  
Trung ương  
Đảng  
vptwqtb1@vptw  
Văn phòng  
Trung ương  
Đảng

# THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

Địa chỉ :  
1A Hùng Vương, Hà Nội  
☎ : (080)45031  
Fax : (080)45105  
Email :  
vanthu@vptw.dcs.vn

Số 06-TTCĐ/VPTW

Ngày 20 tháng 7 năm 2021

LƯU HÀNH NỘI BỘ

## KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN<sup>1</sup>

### 1. Nội hàm kinh tế số và xã hội số

#### 1.1. Nội hàm kinh tế số

Kinh tế số và xã hội số có mối liên kết chặt chẽ, tương hỗ lẫn nhau, là hai mặt không tách rời của quá trình chuyển đổi số, do vậy, thường song hành cùng nhau. Kinh tế số là các hoạt động kinh tế có sử dụng thông tin số, tri thức số, công nghệ số, dữ liệu số như là các yếu tố sản xuất chính; sử dụng mạng viễn thông, Internet, mạng máy tính làm không gian hoạt động; sử dụng công nghệ số, nền tảng số để tăng năng suất lao động và để tối ưu hoá nền kinh tế. Nếu nói đơn giản thì kinh tế số là nền kinh tế liên quan đến công nghệ số.

Có một số cách định nghĩa về kinh tế số, nhưng phần lớn các quốc gia và tổ chức quốc tế đều thống nhất *kinh tế số là nền kinh tế với các hoạt động kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành trên Internet.*



<sup>1</sup> Nguồn: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Kinh tế số bao gồm 3 cấu phần: (1) Kinh tế số ICT/VT. (2) Kinh tế số Internet/nền tảng. (3) Kinh tế số ngành/lĩnh vực (như hình trên). Trong đó:

- Kinh tế số ICT/VT (Kinh tế số ICT) là lĩnh vực công nghiệp điện tử - viễn thông - công nghệ thông tin, hay còn gọi là ICT, gồm các hoạt động như: Sản xuất sản phẩm điện tử, sản xuất phần cứng, sản xuất phần mềm, sản xuất nội dung số, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin và cung cấp dịch vụ viễn thông.

- Kinh tế số Internet/nền tảng (Kinh tế số Internet) gồm các hoạt động kinh tế dựa trên mạng Internet như: Kinh doanh bằng nền tảng số (như Uber, Grab, Airbnb...), kinh doanh dựa trên dữ liệu số, kinh doanh các dịch vụ số trực tuyến và các hình thức kinh doanh dựa trên mạng Internet khác.

- Kinh tế số ngành/lĩnh vực (Kinh tế số ngành) là các hoạt động kinh tế dựa trên việc áp dụng các công nghệ số, nền tảng số vào các ngành, lĩnh vực truyền thống nhằm tăng năng suất lao động, tạo giá trị kinh tế mới, tăng thêm, gồm các hoạt động như quản trị điện tử, thương mại điện tử, nông nghiệp thông minh, sản xuất thông minh, du lịch thông minh.

Theo nghiên cứu của nhiều tổ chức uy tín quốc tế, kinh tế số là một trong những động lực chính cho tăng trưởng toàn cầu giai đoạn tới. Kinh tế số giúp tăng năng suất lao động, mở ra không gian tăng trưởng mới cho nền kinh tế. Kinh tế số cũng giúp tăng trưởng bền vững, tăng trưởng bao trùm, vì sử dụng tri thức nhiều hơn là tài nguyên; chi phí tham gia kinh tế số thấp hơn nên tạo ra cơ hội kinh doanh cho nhiều người hơn; kinh tế số giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, góp phần giải các bài toán kinh tế - xã hội; công nghệ số là không biên giới nên sẽ làm giảm khoảng cách nông thôn với thành thị; công nghệ số cũng cho chúng ta những cách tiếp cận mới, giải pháp mới để giải quyết hiệu quả những vấn đề tồn tại lâu dài của loài người, như ô nhiễm môi trường, khoảng cách giàu - nghèo, đo lường tâm trạng xã hội, sự tham gia của người dân vào hoạch định chính sách...

Hiện nay, mặc dù kinh tế số đã hiện diện khá rộng rãi nhưng trong hệ thống phân ngành kinh tế Việt Nam chưa có văn bản nào chính thức có thuật ngữ kinh tế số. Thành phần kinh tế số ICT/VT là lĩnh vực truyền thống thuộc phân ngành thông tin và truyền thông nên có hệ thống mã ngành kinh tế tương đối đầy đủ. Thành phần kinh tế số Internet/nền tảng là lĩnh vực mới, mặc dù nhiều hoạt động cũng đã được đề cập trong các luật chuyên ngành thông tin và truyền thông. Bộ Thông tin và Truyền thông đang thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực này, nhưng hiện chỉ có mã ngành về hoạt động dịch vụ thông tin, còn các hoạt động khác hầu như đều chưa được áp mã ngành. Thành phần kinh tế số ngành/lĩnh vực hiện chỉ có mã ngành cho hoạt động thương mại điện tử (bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc Internet), còn các hoạt động khác cũng đều chưa được áp mã ngành.

## 1.2. Nội hàm xã hội số

Xã hội số là xã hội hiện đại được áp dụng và tích hợp công nghệ số vào mọi mặt đời sống, cả tại nơi ở, nơi làm việc, nơi học tập, nơi mua sắm, nơi giải trí. Xã hội số làm cho mọi thứ trở nên dễ dàng hơn, khiến những điều không thể trong các xã hội quá khứ trở thành hiện thực. Xã hội số tìm ra những cách thức sáng tạo để khiến nhiều bài toán khó của xã hội trở nên khả thi, cho mọi việc đều nhanh hơn và thuận lợi hơn, giúp người dân thực hiện các công việc hằng ngày tối ưu hơn và dễ dàng hơn.



Qua nghiên cứu các tiêu chí mà thế giới thường dùng để đánh giá mức độ phát triển xã hội số, có thể thấy xã hội số được đặc trưng bởi 7 tiêu chí cơ bản, được biểu diễn trong hình trên, bao gồm:

(1) *Danh tính số và nền tảng định danh, xác thực điện tử*, gồm các chỉ tiêu như: Tỷ lệ dân số có danh tính số; nền tảng định danh số cá nhân; mức độ sử dụng danh tính số trong giao dịch điện tử; bảo vệ dữ liệu cá nhân trên mạng.

(2) *Khả năng kết nối mạng của người dân*, gồm các chỉ tiêu như: Mức độ phổ cập dịch vụ mạng Internet bằng rộng cáp quang đến xã, thôn, hộ gia đình; mức độ phủ sóng dịch vụ mạng di động 3G, 4G, 5G; tốc độ mạng, các chỉ tiêu chất lượng và dịch vụ hạ tầng mạng khác.

(3) *Phong cách số, phương tiện số của người dân*, gồm các chỉ tiêu như: Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh; tỷ lệ số thiết bị Internet vạn vật (IoT) cá nhân trên đầu người (tính số thiết bị IoT cá nhân trong gia đình, thiết bị tự động đo đếm di động, phương tiện thông minh...); tỷ lệ thiết bị IoT công cộng trên đầu người (tính số thiết bị IoT công cộng trong thành phố thông minh, số điểm bán lẻ thông minh...); tỷ lệ dân số sử dụng mạng xã hội; tỷ lệ số ứng dụng di động (apps) do địa phương phát triển và số ứng dụng di động có

hỗ trợ tiếng địa phương trên số người dùng Internet; tỉ lệ số tên miền trang web trên đầu người.

(4) *Mức độ sử dụng dịch vụ trên mạng Internet của người dân*, gồm các chỉ tiêu như: Tỉ lệ người dùng Internet/dân số; tỉ lệ dân số có dùng mạng xã hội; tỉ lệ số người dùng mạng xã hội để xem thông tin, hoạt động giải trí, video theo yêu cầu, video calls, học trực tuyến, tư vấn trực tuyến; tỉ lệ dân số tuổi trưởng thành có tài khoản thanh toán điện tử, có thực hiện giao dịch thanh toán điện tử; tỉ lệ dân số có thực hiện mua sắm trực tuyến; tỉ lệ người trưởng thành có thực hiện quảng cáo, bán hàng trực tuyến.

(5) *Mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân*, gồm các chỉ tiêu như: Tỉ lệ người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tỉ lệ hồ sơ trực tuyến; chất lượng và mức độ thuận tiện của dịch vụ công trực tuyến.

(6) *Kỹ năng số, nhân lực số và giáo dục điện tử*, gồm các chỉ tiêu như: Tỉ lệ dân có kỹ năng số cơ bản; tỉ lệ dân được tập huấn về kỹ năng số, kỹ năng khai thác tài nguyên Internet; tỉ lệ số môn học có đào tạo từ xa; số nhân lực công nghệ số; số sinh viên công nghệ số đang đào tạo, số sinh viên tốt nghiệp hằng năm.

(7) *Y tế điện tử, tư vấn sức khoẻ qua mạng*, gồm các chỉ tiêu như: Mức độ phổ cập dịch vụ khám, chữa bệnh từ xa trên số cơ sở y tế hoặc đến xã, thôn; mức độ sử dụng chung dữ liệu y tế, đơn thuốc điện tử; tỉ lệ người dân sử dụng dịch vụ tư vấn sức khoẻ từ xa; tỉ lệ dân sử dụng dịch vụ y tế điện tử, khám, chữa bệnh từ xa.

Do tính liên kết chặt chẽ của xã hội số với kinh tế số, nên các tiêu chí đặc trưng của xã hội số này cũng đồng thời là tiêu chí đánh giá khả năng phát triển thị trường kinh tế số.

## **2. Xu hướng phát triển kinh tế số và xã hội số trên thế giới**

### **2.1. Kinh tế số**

Nền kinh tế số đang ngày càng khẳng định vai trò là một động lực cốt lõi của tăng trưởng toàn cầu, không còn giới hạn trong một nhóm các quốc gia "công nghệ cao" ưu tú. Kinh tế số đang được thúc đẩy trên khắp thế giới cả ở các nước phát triển cũng như các nước đang phát triển và đang mang lại lợi nhuận khổng lồ cho nhiều doanh nghiệp, quốc gia. Chính phủ và các nhà hoạch định chính sách các nước đang cố gắng nghiên cứu, tìm cách tốt nhất để tận dụng cơ hội của cuộc cách mạng chuyển đổi số nhằm mục đích tăng tốc phát triển kinh tế số đất nước mình, đem lại lợi ích tốt nhất cho công dân của họ. Nhiều nước đang nỗ lực chuyển đổi các cấu trúc kinh tế truyền thống, đẩy mạnh kinh tế số ICT/VT, kinh tế số Internet/nền tảng, thúc đẩy chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển đổi số nhằm đưa đất nước thành cường quốc kỹ thuật số nhất quán, năng động, sáng tạo và tăng trưởng mạnh mẽ.

Theo Báo cáo kinh tế số của Diễn đàn thương mại và phát triển của Liên hợp quốc (UNCTAD), năm 2019 kinh tế số ICT/VT đóng góp khoảng 4,5% GDP toàn cầu, kinh tế số Internet/nền tảng đóng góp 15,5% GDP toàn cầu. Con số tương ứng tại nước Mỹ là 6,9% và 21,6% GDP và tại Trung Quốc là 6% và 30% GDP. Một nghiên cứu của Microsoft cũng chỉ ra rằng kinh tế số đóng góp cho GDP khu vực Châu Á - Thái Bình Dương năm 2017 khoảng 6%, năm 2019 khoảng 25% và năm 2021 là khoảng 60% GDP.

Trung Quốc là nước điển hình thành công về phát triển kinh tế số, với mức tăng trưởng luôn rất cao và chủ yếu dựa trên các cấu phần kinh tế số Internet/nền tảng và kinh tế số ngành/lĩnh vực. Theo Quỹ tiền tệ quốc tế, quy mô của nền kinh tế số Trung Quốc đã tăng từ 15% GDP năm 2008 lên 37% vào năm 2019, trong đó cấu phần kinh tế số ICT/VT chiếm phần nhỏ và ổn định ở mức khoảng 6 - 7% GDP hằng năm, trong khi cấu phần kinh tế số Internet/nền tảng tăng nhanh từ 7% GDP năm 2008 lên 30% GDP vào năm 2019.

Trong khu vực ASEAN, theo Báo cáo e-Conomy SEA 2020, chỉ tính riêng cấu phần kinh tế số Internet/nền tảng năm 2020 đã đạt khoảng 105 tỉ USD (tăng 5% so với năm 2019) và dự kiến đến năm 2025 sẽ đạt 309 tỉ USD. In-đô-nê-xi-a là nước có doanh thu kinh tế số Internet/nền tảng cao nhất với 44 tỉ USD năm 2020, tiếp theo là Thái Lan với 18 tỉ USD và Việt Nam với 14 tỉ USD.

Để thấy được xu hướng phát triển kinh tế số toàn cầu, hãy xem xét lĩnh vực hoạt động của 20 công ty hàng đầu trên thế giới về vốn hoá thị trường theo Báo cáo kinh tế số của UNCTAD. Năm 2009, trong số các công ty hàng đầu thế giới có 35% là công ty kinh tế dầu khí và khai khoáng, trong khi chỉ có 15% là công ty kinh tế số, nhưng đến năm 2018, bức tranh đã thay đổi đáng kể: Số lượng công ty kinh tế số nằm trong top đầu thế giới tăng lên 40%, trong khi số công ty kinh tế dầu khí và khai khoáng nằm trong top đầu giảm xuống chỉ còn 10%. Sự thay đổi này thậm chí còn đáng chú ý hơn khi tính theo giá trị vốn hoá thị trường: Năm 2009, các công ty kinh tế dầu khí và khai khoáng chiếm 36% tổng vốn hoá thị trường của 20 công ty hàng đầu thế giới, trong khi nhóm kinh tế số chiếm 16%, nhưng đến năm 2018, nhóm kinh tế số đã tăng lên 56% tổng vốn hoá thị trường, ngược lại tỉ trọng của các công ty kinh tế dầu khí và khai khoáng giảm chỉ còn 7%.

Hoa Kỳ và Châu Á là 2 khu vực phát triển nhanh nhất về kinh tế số, với sự tập trung cao độ của các công ty công nghệ số hàng đầu thế giới ở 2 khu vực này.

## **2.2. Xã hội số**

Song hành cùng với kinh tế số, thế giới cũng đang chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ của xã hội số. Theo Báo cáo về xã hội số của Hiệp hội viễn thông quốc tế GSMA, trong những năm gần đây, hầu hết các quốc gia đều có những bước phát triển đáng kể về xã hội số. Đặc biệt, một số nước đang phát triển đã có mức tăng các điểm chỉ số nhanh hơn so với các nước tiên tiến, tuy khoảng cách vẫn còn khá lớn. Những nước dẫn đầu khu vực Châu Á - Thái Bình Dương về xã hội số gồm Hàn Quốc, Xin-ga-po, Ô-xtrây-li-a và Nhật Bản.

Về kết nối mạng, việc sử dụng Internet di động đang được thúc đẩy nhanh chóng. Hầu hết các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương đều đã phủ sóng mạng 4G đến khoảng 95% dân số, và dự kiến sẽ có thêm 350 triệu người sử dụng Internet di động mới trong năm tới, nâng tổng số thuê bao Internet di động khu vực này lên 1,34 tỉ. Các nước đứng đầu về kết nối mạng khu vực Châu Á - Thái Bình Dương gồm Ô-xtrây-li-a, Xin-ga-po, Hàn Quốc và Nhật Bản.

Về danh tính số và hệ thống định danh, xác thực điện tử, hiện trong khu vực Đông Nam Á, các nước In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po và Thái Lan đã số hoá hoàn toàn hệ thống định danh cá nhân của mình và thiết lập cơ sở hạ tầng khoá công khai liên quan để bảo đảm an toàn cho các hệ thống này. Hệ thống định danh điện tử của Thái Lan còn được thiết kế để hỗ trợ công dân của các quốc gia khác có thể xác thực cho các giao dịch trực tuyến với các công ty và cơ quan Chính phủ của họ có trụ sở tại Thái Lan. Thái Lan cũng là nước có mức tăng chỉ số danh tính số cao nhất trong khu vực giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2019.

Mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân ở các quốc gia cũng đã tăng lên đáng kể do Chính phủ các nước đều đang nỗ lực tìm kiếm những cách thức mới và hiệu quả hơn để tương tác với người dân. Chính phủ Băng-la-đét đã ra mắt ứng dụng di động MyGov vào đầu năm 2020 để cung cấp tất cả các dịch vụ của Chính phủ trên một nền tảng. Tại Ấn Độ, Chính phủ cũng đã ra mắt nền tảng MyGov nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào quản trị và phát triển cộng đồng. Các nước đứng đầu về chỉ số này trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương có Hàn Quốc, Nhật Bản, Xin-ga-po và Ma-lai-xi-a.

Mức độ sử dụng dịch vụ trên Internet của người dân cũng đang được cải thiện liên tục ở hầu khắp các nước. Thanh toán điện tử và dịch vụ số đang phát triển mạnh mẽ trên khắp Châu Á - Thái Bình Dương. Đặc biệt năm 2020 do đại dịch Covid-19 nên lượng giao dịch thương mại điện tử và sử dụng các dịch vụ số tăng đột biến. Các nước đứng đầu về chỉ số này có Ô-xtrây-li-a, Nhật Bản và Hàn Quốc.

Kỹ năng số, nhân lực số và giáo dục điện tử là lĩnh vực đang được thúc đẩy mạnh mẽ ở các nước có chiến lược chuyển đổi số. Kỹ năng số là rất quan trọng để người dân hoạt động hiệu quả trong xã hội số và tận hưởng các dịch vụ số. Chẳng hạn Trung Quốc đã triển khai chương trình đổi mới giáo dục và phát triển kỹ năng theo nghĩa rộng nhất, cho phép mọi người phát triển những khả năng họ cần để tiếp tục phát triển phù hợp với xã hội số và nền kinh tế số. Để đạt được sự chuyển đổi này, ba yếu tố nổi bật là giáo dục và kỹ năng cho "Mọi người", "Mọi thứ" và "Mọi nơi". Mọi người, tức là giáo dục, đào tạo và học tập không chỉ dành cho những người trong độ tuổi đi học mà còn dành cho những người trưởng thành đang đi làm. Mọi thứ là nội dung giáo dục và phát triển kỹ năng cần phải thay đổi để phản ánh một nền kinh tế số, một xã hội số đang phát triển và chuyển đổi nhanh chóng. Mọi nơi là giáo dục và đào tạo phải được phổ biến, có sẵn cho tất cả mọi người trong suốt cuộc đời của họ, ở bất kỳ đâu và bất kỳ lúc nào, học tập suốt đời cho

mỗi con người. Các nền tảng số đã được phát triển, thực thi để phục vụ, hiện thực hoá tiến trình đổi mới giáo dục và phát triển kỹ năng nói trên. Nhiều nước khác như Ấn Độ cũng có những chương trình, sáng kiến để phổ biến và liên tục cập nhật kỹ năng số cho người dân.

### ***2.3. Định hướng phát triển kinh tế số và xã hội số của các nước***

Trước làn sóng mạnh mẽ của cách mạng chuyển đổi số, xu hướng phát triển nhanh chóng của kinh tế số, xã hội số, một số nước nhận ra cơ hội đã sớm ban hành các chiến lược, chương trình chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số của mình, điển hình như: Anh, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a, Ni-giê-ri-a, Kê-ni-a, Đài Loan (kế hoạch phát triển kinh tế sáng tạo DIGI 2025), Xin-ga-po, Thái Lan. Cùng với việc khẩn trương ban hành và triển khai các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số, các nước cũng đã mạnh mẽ chuyển đổi thể chế, ban hành các văn bản pháp luật, tạo hành lang pháp lý phù hợp cho phát triển kinh tế số.

Nhiều quốc gia nhận thức rõ nội hàm kinh tế số và xã hội số đã nỗ lực chuyển đổi, nâng tầm hệ thống quản lý ngành Thông tin và Truyền thông để thúc đẩy phát triển, do đặc trưng của kinh tế số và xã hội số gắn liền với vai trò, vị trí và sự phát triển của ngành này. Trong 3 cấu phần của kinh tế số thì có đến 2 cấu phần thuộc trách nhiệm quản lý trực tiếp của ngành Thông tin và Truyền thông là kinh tế số ICT/VT và kinh tế số Internet/nền tảng. Còn cấu phần kinh tế số ngành/lĩnh vực cũng rất cần sự hỗ trợ, thúc đẩy, tạo dựng hạ tầng, điều kiện kỹ thuật của ngành này để phát triển. Đối với xã hội số, trong 7 tiêu chí đặc trưng cơ bản nêu trên, có đến 5 tiêu chí đầu thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Thông tin và Truyền thông.

Do vậy, nhiều quốc gia đã thay đổi tên gọi và cơ cấu tổ chức của Bộ quản lý chuyên ngành về Thông tin và Truyền thông thành Bộ mới với cụm từ "Digital" nổi bật trong tên Bộ để thực thi quản lý nhà nước về kinh tế số, chuyển đổi số. Điển hình như Thái Lan đổi tên Bộ Thông tin và Truyền thông thành Bộ Kinh tế và Xã hội số (Ministry of Digital Economy and Society), Áo đổi tên thành Bộ Chuyển đổi số và Kinh tế số (Ministry for Digital and Economic Affairs), Nga đổi tên thành Bộ Truyền thông và Phát triển công nghệ số (Ministry for Digital Development, Communications and Mass Media).

## **3. Thực trạng, cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế số và xã hội số ở Việt Nam**

### ***3.1. Thực trạng kinh tế số và xã hội số***

- *Về phát triển kinh tế số:* Theo đánh giá của các tổ chức quốc tế, kinh tế số của Việt Nam đã có những bước phát triển nhanh, nhiều triển vọng so với khu vực và thế giới. Theo Báo cáo e-Conomy SEA năm 2020, chỉ tính riêng cấu phần kinh tế số Internet/nền tảng, Việt Nam đã đạt 14 tỉ USD, đứng thứ 3 ASEAN, nhưng là nước có tốc độ tăng trưởng trong lĩnh vực này cao nhất với mức tăng 16%, nước có mức tăng cao tiếp theo là In-đô-nê-xi-a với 11% và Thái Lan 7%. Báo cáo này cũng dự báo đến năm 2025 kinh tế số Internet/nền tảng Việt Nam sẽ đạt mức 52 tỉ USD.

Việc đo lường, thống kê số liệu đầy đủ về kinh tế số hiện là một thách thức lớn đối với hầu như tất cả các nước và cả Việt Nam. Tổng cục Thống kê đang rất nỗ lực phối hợp cùng các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu cụ thể để tổ chức điều tra, thống kê về lĩnh vực mới này. Mặc dù chưa có số liệu chính thức, đầy đủ về kinh tế số Việt Nam nhưng qua tổng hợp sơ bộ từ các báo cáo trong và ngoài nước, có thể ước tính kinh tế số Việt Nam năm 2020 đạt khoảng 163 tỉ USD, chiếm khoảng 8,2% GDP cả nước, trong đó cấu phần kinh tế số ICT/VT đạt 126 tỉ USD, chiếm 5,5% GDP, kinh tế số Internet/nền tảng đạt 14 tỉ USD, chiếm 1% GDP và kinh tế số ngành/lĩnh vực đạt khoảng 23 tỉ USD, chiếm 1,7% GDP.

- *Về phát triển xã hội số*: Theo Báo cáo của Hiệp hội Viễn thông quốc tế GSMA, Việt Nam được đánh giá là nước phát triển nhanh, với các chỉ số xã hội số liên tục được cải thiện với tốc độ cao, tuy nhiên Việt Nam vẫn đứng sau Xin-ga-po, Ma-lai-xi-a, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a trong khu vực Đông Nam Á.

Trong 3 năm từ 2016 - 2019 Việt Nam đã tăng 18 điểm về *hạ tầng kết nối mạng*, gấp 2 lần mức tăng trung bình trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (9 điểm). Mặc dù vậy chúng ta vẫn thấp hơn nước đứng đầu (Ô-xtrây-li-a) 30 điểm. Về *danh tính số và định danh điện tử*, chúng ta đã tăng 21 điểm trong xếp hạng quốc tế, gấp 2,3 lần mức tăng trung bình trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (9 điểm), nhưng chúng ta vẫn tăng thấp hơn Thái Lan (24 điểm), và đang thấp hơn nước đứng đầu (Hàn Quốc) 20 điểm. Về *mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân*, Việt Nam đã tăng 15 điểm trong giai đoạn 2016 - 2019, cao hơn mức tăng trung bình trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (11 điểm), nhưng chúng ta vẫn tăng thấp hơn Thái Lan (23 điểm), và đang thấp hơn so với nước đứng đầu (Hàn Quốc) 32 điểm. Về *phong cách số, phương tiện số của người dân*, từ 2016 - 2019, Việt Nam tăng 11 điểm, cao hơn mức tăng trung bình trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương (8,5 điểm), và đang thấp hơn nước đứng đầu (Xin-ga-po) 28 điểm. Có thể thấy các chỉ số phát triển xã hội số của chúng ta đang tăng nhanh với tốc độ cao hơn hẳn so với nhiều nước, tuy nhiên chúng ta vẫn còn thua các nước hàng đầu một khoảng cách đáng kể, do vậy chúng ta cần có thêm nhiều nỗ lực để bắt kịp các nước đi trước.

### **3.2. Cơ hội và thách thức**

Kinh tế số, xã hội số Việt Nam thời gian qua phát triển tự phát nhưng tăng trưởng khá nhanh, là do hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin khá tốt, phủ sóng rộng, mật độ người dùng cao; người Việt Nam ham mê công nghệ, thích sử dụng công nghệ vào loại cao nhất trong khu vực; dân số Việt Nam trẻ, được đào tạo tốt, học toán tốt và lao động chăm chỉ; tính cách người Việt Nam thích ứng nhanh với sự thay đổi. Đây là lợi thế Việt Nam khi chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

Việt Nam đang có những cơ hội rất lớn để phát triển kinh tế số. Lần đầu tiên trong lịch sử, Việt Nam đang đi cùng thế giới trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cách mạng chuyển đổi số và chúng ta có cơ hội lớn để bứt



phá, vượt lên. Việt Nam là thị trường lớn, nhiều tiềm năng cho các mô hình kinh doanh mới, với dân số đông, đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng, có lực lượng lao động số lớn, có số người dùng Internet và điện thoại thông minh lớn và đang tăng nhanh sẽ tạo nên những thị trường hấp dẫn cho kinh tế số. Việt Nam được đánh giá sẽ là trung tâm phát triển công nghệ số và kinh tế số toàn cầu. Tuy nhiên kinh tế số, xã hội số Việt Nam cũng đang đối mặt với những tồn tại, hạn chế và thách thức lớn, điển hình như:

- *Hệ thống thể chế, pháp luật chưa tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế số, xã hội số.* Quy định pháp luật cho các hoạt động kinh tế số chưa được hình thành đồng bộ, chậm được hoàn thiện, đặc biệt đối với mảng kinh tế số Internet/nền tảng; chưa có hành lang pháp lý cho thí điểm triển khai áp dụng các mô hình kinh doanh, dịch vụ mới. Hệ thống văn bản pháp luật ban hành nhiều nhưng thiếu đồng bộ, còn chòng chéo, thậm chí mâu thuẫn, chưa phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Chẳng hạn như vấn đề sử dụng văn bản điện tử thay cho bản giấy đã được quy định, hướng dẫn trong nhiều văn bản về ứng dụng công nghệ thông tin và phát triển Chính phủ điện tử. Tuy nhiên, thực tế các cơ quan, tổ chức dù đã thực hiện xử lý, liên thông gửi nhận văn bản điện tử, nhưng vẫn phải in bản giấy để trình ký và lưu do các văn bản pháp luật hiện hành như Luật Lưu trữ, Luật Dân sự... vẫn yêu cầu phải có bản gốc, chứng từ gốc. Điều này dẫn đến gần như nhân đôi khối lượng công việc vì vừa phải làm bản điện tử, vừa phải làm bản giấy. Bên cạnh đó, còn thiếu các quy định về giao dịch dữ liệu, bảo vệ cơ sở dữ liệu, dữ liệu cá nhân, thông tin riêng tư, cũng như tạo lập niềm tin trên không gian số; thiếu quy định về quyền cá nhân, đạo đức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo; các quy định về danh tính số, định danh và xác thực điện tử cho người dân còn chậm được ban hành.

- *Việc thực thi quản lý nhà nước, xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế số, xã hội số còn bất cập.* Thực tế hiện nay, Việt Nam có nhiều bộ có chức năng, nhiệm vụ liên quan đến kinh tế số, nhưng thiếu một cơ quan có trách nhiệm chủ trì, giúp Chính phủ thực thi quản lý nhà nước và điều phối, thúc đẩy phát triển lĩnh vực mới nhiều tiềm năng nhưng cũng lắm thách thức này. Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan trên thực tế đang thực thi quản lý nhà nước về kinh tế số cũng chưa có một đơn vị chuyên trách chịu trách nhiệm về lĩnh vực này. Chúng ta cũng thiếu các công cụ pháp lý và hệ thống công nghệ có khả năng giám sát, quản lý hiệu quả hoạt động các nền tảng số, nền tảng xuyên biên giới trên không gian mạng để chống độc quyền, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh, hỗ trợ các doanh nghiệp kinh tế số Việt Nam. Kinh tế số đang làm thay đổi lợi thế so sánh của nước ta về nhân công giá rẻ, tạo ra nhiều nghề mới đòi hỏi kỹ năng mới, đồng thời làm giảm một số nghề theo lối "truyền thống" dẫn đến thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu việc làm. Tuy nhiên việc xây dựng, thực thi các cơ chế, chính sách để khuyến khích các lợi điểm của kinh tế số và giảm thiểu các yếu tố tác động tiêu cực của lĩnh vực này còn lúng túng, bất cập.

- *Kỹ năng số và nguồn nhân lực số chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.* Nguồn nhân lực số đáp ứng yêu cầu cho nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số còn ít, chất lượng chưa cao. Các doanh nghiệp vẫn thiếu hụt lực lượng lao động công nghệ đủ kiến thức và kỹ năng để áp dụng công nghệ số vào quá trình sản xuất, kinh doanh. Thị trường lao động đang đòi hỏi có sự thay đổi về chất lượng giáo dục, đào tạo để thích ứng với yêu cầu mới, trong khi đào tạo đại học cũng như đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Kỹ năng số cơ bản của lực lượng lao động còn thấp, khả năng thích ứng với môi trường số chưa cao, trong khi chuyển đổi số đang làm giảm mạnh nhu cầu một số công việc truyền thống và xuất hiện các yêu cầu mới đòi hỏi kỹ năng số cơ bản. Các cơ sở giáo dục vẫn chưa được triển khai mô hình giáo dục STEM/STEAM (Science, Technology, Engineer, Math) để trang bị cho học sinh hành trang số, kỹ năng số thiết yếu sẵn sàng cho tương lai. Phần lớn người dân vẫn chưa được trang bị các kiến thức và kỹ năng số cơ bản để có thể khai thác hiệu quả các kho tri thức số trên mạng và áp dụng công nghệ số vào hoạt động của mình. Nếu không có sự đột phá trong việc đào tạo, đào tạo lại kỹ năng số cho lực lượng lao động công nghệ cũng như đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người dân để theo kịp tốc độ chuyển đổi số thì nước ta có thể phải đối mặt với khoảng trống làm gián đoạn chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

- *Năng lực chuyển đổi số của doanh nghiệp còn yếu; lực lượng doanh nghiệp nền tảng số đông nhưng chưa mạnh, các nền tảng số Make in Vietnam<sup>2</sup> còn non trẻ lại bị cạnh tranh gay gắt từ bên ngoài.* Trừ các doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực bắt buộc phải chuyển đổi số như tài chính ngân hàng, công nghệ thông tin và truyền thông, phần lớn các doanh nghiệp vẫn mới chỉ dừng lại ở mức độ quan tâm chứ chưa thực sự triển khai chuyển đổi số. Năng lực nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ số của doanh nghiệp còn khá hạn chế. Chuyển đổi số giúp tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam diễn ra thuận lợi hơn, tuy nhiên mức độ hưởng lợi còn tùy thuộc vào khả năng chuyển đổi và nội lực số của doanh nghiệp. Nếu nội lực số không đạt, doanh nghiệp sẽ bị tác động nhiều hơn từ bất ổn kinh tế thế giới, dẫn đến sẽ phải chấp nhận vị trí thấp trong toàn bộ chuỗi giá trị toàn cầu. Các doanh nghiệp nền tảng số Việt Nam dù rất nỗ lực nhưng đang chịu sức ép cạnh tranh rất lớn từ các nền tảng số nước ngoài, nhất là các nền tảng số hoạt động xuyên biên giới, thậm chí còn đối mặt tình trạng cạnh tranh bất bình đẳng ngay trên sân nhà. Do hành lang pháp lý chưa hoàn thiện, hiện chúng ta thiếu các công cụ hữu hiệu để chống độc quyền, chống cạnh tranh không lành mạnh, bảo vệ các doanh nghiệp Việt trên không gian mạng. Chúng ta cũng thiếu các công cụ pháp lý để hạn chế các hình thức mua bán, sáp nhập độc hại, có thể gây tác động xấu đến thị trường. Bên

---

<sup>2</sup> "Make in Vietnam" là slogan được Bộ Thông tin và Truyền thông tạo ra từ cụm từ "Made in Vietnam" với mục đích thúc đẩy ngành công nghiệp ICT trong nước, nhằm nhấn mạnh vào sự chủ động sáng tạo, thiết kế các sản phẩm công nghệ cao của người Việt.

cạnh đó, thị trường cho kinh tế số cũng chưa phát triển đúng hướng. Việc tạo và dành thị trường số nội địa, nhất là thị trường số Chính phủ để doanh nghiệp Việt có cơ hội rèn luyện, lớn mạnh để đi ra toàn cầu chưa được triển khai hiệu quả.

- *Việt Nam chưa ban hành chiến lược tổng thể của quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số.* Mặc dù chúng ta đã có các nghị quyết, chương trình về chuyển đổi số, nhưng chúng ta vẫn chưa có chiến lược hay chương trình, kế hoạch quốc gia nào về phát triển kinh tế số, xã hội số được ban hành để xác định cụ thể, rõ ràng quan điểm, tầm nhìn cũng như định hướng nhiệm vụ, giải pháp phát triển, làm căn cứ để các bộ, ngành địa phương xây dựng kế hoạch, đề án để triển khai.

Các cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế số, xã hội số Việt Nam đặt ra yêu cầu cấp thiết cần có chiến lược để định hướng, dẫn dắt của Chính phủ. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Chương trình chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ đều xác định chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số là trọng tâm chiến lược của nước ta giai đoạn tới và đặt ra các mục tiêu rất cao và cụ thể đến năm 2025 gồm: Kinh tế số chiếm 20% GDP; tỉ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%; hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình và 100% số xã; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; tỉ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%; Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số công nghệ thông tin (IDI) và chỉ số cạnh tranh (GCI), thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo (GII), và thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

Các mục tiêu phát triển kinh tế số mà Đảng, Chính phủ đặt ra là rất thách thức, bởi theo kịch bản phát triển thông thường thì đến năm 2025 kinh tế số Việt Nam chỉ đạt mức 10,5% GDP. Để đạt được mục tiêu kinh tế số chiếm 20% theo kịch bản phát triển nhanh, chúng ta cần duy trì mức tăng trưởng kinh tế số bình quân hàng năm khoảng 20%, gấp 3 lần tăng trưởng GDP dự kiến (6,5 - 7%/năm). Đây là một kịch bản không dễ dàng để thực hiện được, cùng với các mục tiêu rất cao về xã hội số, đòi hỏi sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, và sự đầu tư xứng tầm của tất cả các bộ, ngành, địa phương cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

#### **4. Về một số nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế số và xã hội số với Việt Nam**

Để kịp thời nắm bắt cơ hội, vượt qua thách thức, đưa kinh tế số Việt Nam phát triển nhanh, đạt mục tiêu mà Đảng, Chính phủ đề ra, Việt Nam cần khẩn trương triển khai đồng bộ một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

*Thứ nhất, cần nhanh chóng xây dựng, ban hành các chiến lược, chương trình quốc gia về phát triển kinh tế số, xã hội số, bao gồm: Chiến lược quốc gia*

về phát triển kinh tế số và xã hội số; Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam; Chiến lược dữ liệu số quốc gia; Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp và Chương trình đào tạo kỹ năng số và phát triển nguồn nhân lực số quốc gia. Bên cạnh đó, cần khẩn trương xây dựng, ban hành các chiến lược, chương trình tạo dựng hạ tầng, nền tảng số để hỗ trợ phát triển như: Chiến lược Chính phủ số; Chiến lược phát triển hạ tầng số quốc gia; Chiến lược phát triển bưu chính; Chiến lược an toàn không gian mạng quốc gia.

*Thứ hai, cần khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách cho phát triển kinh tế số, xã hội số, bao gồm: Sửa đổi Luật Giao dịch điện tử theo hướng bổ sung các nội dung mới về kinh tế số phù hợp với yêu cầu phát triển của lĩnh vực; xây dựng Nghị định của Chính phủ về quản lý kinh doanh bằng nền tảng số; hoàn thiện và ban hành Nghị định về định danh và xác thực điện tử; hoàn thiện và trình phê duyệt Nghị định về bảo vệ dữ liệu cá nhân sao cho đạt mục tiêu kép vừa bảo vệ được dữ liệu cá nhân, vừa thúc đẩy phát triển được kinh tế số; ban hành các văn bản quy định về các quy tắc ứng xử trên môi trường số cũng như các quy định nhằm tạo lập niềm tin, đánh giá tín nhiệm trên không gian mạng.*

Việc sửa đổi, bổ sung pháp luật phải trên cơ sở tư duy chuyển đổi số, tránh việc vẫn dùng tư duy cũ trong quản lý kinh tế số, nâng cao mức độ sẵn sàng chấp nhận cái mới, tăng cường các "sand box" cho kinh tế số. Các quy định pháp luật cần tạo cơ sở thuận lợi cho các mô hình kinh doanh mới, các hoạt động kinh tế mới như kinh tế nền tảng, kinh tế dữ liệu, kinh tế internet, hay các mô hình kinh tế số ngành/ lĩnh vực. Các quy định pháp luật cũng cần tạo cơ sở để có thể giám sát, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi gian lận thuế, độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh, mua bán, sáp nhập độc hại của các nền tảng số. Cần có cơ chế để giám sát được các nền tảng số lớn, xuyên biên giới, đồng thời thiết lập được đặc khu kinh tế số trên không gian mạng nhằm tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh tế số nhỏ và vừa khởi nghiệp phát triển.

*Thứ ba, cần đẩy mạnh triển khai chương trình chuyển đổi số quốc gia, đặc biệt là các giải pháp đào tạo kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực số; chuyển đổi số doanh nghiệp và phát triển thị trường số nội địa.*

Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, cung cấp các khoá học đại trà trực tuyến mở, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số, hình thành văn hoá số. Phát triển đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số, kinh tế số trong tất cả các ngành, lĩnh vực, địa phương. Thúc đẩy mạnh mẽ việc dạy và học về kỹ năng số, về STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Tăng cường cả về số lượng và chất lượng đào tạo các ngành học về công nghệ ICT, công nghệ số, đặc biệt là các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing), Internet vạn vật

(IoT), thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR), chuỗi khối (Blockchain), in ba chiều (3D Printing). Đẩy mạnh đồng thời cả việc đào tạo trong các đại học, cao đẳng nghề với liên tục đào tạo lại và đào tạo nâng cao, thiết lập chế độ học tập suốt đời trong xã hội.

Đẩy mạnh chuyển đổi số doanh nghiệp và phát triển mạnh mẽ xã hội số nhằm mục tiêu kép vừa nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, vừa phát triển thị trường số xã hội. Nhà nước cần hỗ trợ mạnh mẽ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp siêu nhỏ và hộ kinh doanh cá thể, hộ nông dân thực hiện chuyển đổi số, trước hết bằng giải pháp hướng dẫn, hỗ trợ các đối tượng này bán hàng trên mạng và sử dụng các tài nguyên, tiện ích mạng phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh để nâng cao năng suất lao động, tỉ suất lợi nhuận và mở rộng thị trường. Nhà nước cũng cần hỗ trợ, đẩy mạnh các giải pháp nhằm trang bị cho người dân danh tính số, kỹ năng số, phương tiện số, văn hoá số, tài khoản thanh toán số, để nhanh chóng hình thành công dân số, xã hội số. Đẩy mạnh phong trào người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trong chuyển đổi số, khuyến khích chi tiêu số của người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển thị trường số xã hội cả ở thành thị và nông thôn.

Phát triển mạnh mẽ thị trường số nội địa bao gồm thị trường số chính phủ, thị trường số ngành, lĩnh vực và thị trường số xã hội. Trước hết Chính phủ, chính quyền các cấp cần làm gương phát triển thị trường số chính phủ: Tiên phong sử dụng các nền tảng số, các công nghệ mới, dịch vụ mới; chi tối thiểu 1% tổng chi ngân sách cho chuyển đổi số, chính phủ số và công nghệ số; ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ số make in Việt Nam, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nước ngoài trong các trường hợp hạn hữu thật sự do các doanh nghiệp Việt chưa thể nghiên cứu, sản xuất ngay được và cần có chế tài để bắt buộc các cơ quan nhà nước tuân thủ nghiêm ngặt quy định này.

Làm bùng nổ phát triển thị trường số ngành, lĩnh vực, địa phương thông qua việc các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai mạnh mẽ việc chuyển đổi số trong từng ngành, lĩnh vực, địa phương và tăng chi tiêu cho công nghệ số. Các bộ, ngành và các tỉnh, thành phố đặt hàng cho các doanh nghiệp Việt phát triển các nền tảng số tốt thông qua việc thống kê đầy đủ và thường xuyên cập nhật, đưa lên cổng thông tin điện tử để chia sẻ với cộng đồng doanh nghiệp Việt hiện trạng và nhu cầu mua sắm, thuê sản phẩm số, nền tảng số, dịch vụ số của tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong ngành mình, địa phương mình.

Việt Nam có một thị trường rất lớn và đầy tiềm năng cho kinh tế số phát triển, với khoảng 100 triệu dân, gần 9 triệu hộ sản xuất nông nghiệp, khoảng 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, hơn 800 ngàn doanh nghiệp, khoảng 44 ngàn trường học, 14 ngàn cơ sở y tế. Đây là một thị trường số khổng lồ, là nguồn tài nguyên số quốc gia mà chúng ta cần phân loại, tìm lời giải đột phá để kích hoạt thị trường, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên, xây dựng được các nền tảng số xuất sắc, phục vụ hiệu quả nhất cho công cuộc chuyển đổi số đất nước, phát triển kinh tế số quốc gia và đưa các doanh nghiệp chúng ta đi ra toàn cầu.

**Tóm lại**, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là xu hướng tất yếu trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra sâu rộng trên toàn cầu. Kinh tế số mở ra không gian tăng trưởng mới cho kinh tế Việt Nam, là động lực cốt lõi của tăng trưởng kinh tế. Việc các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, người dân và lực lượng lao động của chúng ta bắt kịp với những thay đổi của công nghệ số và chuyển đổi số tốt như thế nào sẽ xác định sự thịnh vượng trong tương lai của đất nước. Tiềm năng của kinh tế số Việt Nam đã được ước tính lên tới hàng trăm tỉ đô la trong thập kỷ tới, chiếm đến 20% GDP cả nước vào năm 2025, tăng trưởng 20 - 25%/năm, gấp 3 lần tăng trưởng GDP.

Đại dịch Covid-19 đã tạo ra một cú huých thúc đẩy mạnh mẽ việc sử dụng công nghệ số và nhấn mạnh vai trò của chuyển đổi số trong việc hỗ trợ và tăng cường hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế, cải thiện việc cung cấp các dịch vụ công của Chính phủ và giúp cuộc sống của người dân dễ dàng hơn. Việt Nam cần phải duy trì và đẩy nhanh tốc độ phát triển này để bảo đảm sự thịnh vượng đất nước trong tương lai và bảo vệ lợi ích, chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là việc của tất cả các bộ, ngành, địa phương và cả hệ thống chính trị. Trong bối cảnh các quốc gia khác cũng đang đầu tư mạnh mẽ cho chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, để Việt Nam không bị tụt hậu so với các nước, chúng ta cần có sự vào cuộc quyết liệt, hành động mạnh mẽ để đẩy nhanh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số, bảo đảm đạt các mục tiêu đặt ra trong các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ và trong các chương trình, chiến lược phát triển của quốc gia.

---